

Vài nét tâm lý văn hóa người việt nam

Lương Cần Liêm

Tiến sĩ tâm lý học, Bác sĩ tâm thần.

Giảng viên Đại Học Paris 13.

Chủ tịch Hội Pháp-Việt Tâm-thần và Tâm-lý Y Học (Paris).

Tôi định nghĩa tâm lý học là bộ môn nghiên cứu hoạt động tâm và trí con người.

Khi đóng khung một địa bàn tìm hiểu, nhà nghiên cứu đối chiếu qui luật tổng quát của bộ môn với lô gích nội thể của nó. Về hoạt động khoa học, chúng ta gặp tính chủ quan và khách quan của hai người trong và ngoài cuộc, cùng với hai lô gích nội bộ của sự khách quan và sự chủ quan mà tự bộ môn tạo ra trong một bộ cảnh chánh trị, xã hội và văn hóa nhất định. (Xem Karl Popper, *The logic of Scientific Discovery*, 1959 & Thomas Samuel Kuhn, *The structure of Scientific Revolutions*, 1962). Nói như vậy, con người là điều kiện, vật liệu và yếu tố duy nhất và tiên khởi của tất cả mọi sáng chế của cuộc sống, tạo ra quan niệm đời, kinh tế, khoa học, tôn giáo, vật chất, của cải, xã hội, lý tưởng. Con người tạo ra sản phẩm cụ thể và vô hình mà chính vì vậy loài người thành tập thể sống theo các sản phẩm ấy như một thường lệ; mỗi người tự nhận mình là một vật thể xã hội theo qui luật của nó.

Trong quan hệ điều trị, chủ quan và khách quan tếu với nhau hai lần giữa người và người và giữa người với bộ môn. Ta gọi đó là hiện tượng *chuyển cảm* (transfert) trong ban giao. Hiện tượng này cần cân đối với hiện tượng *phản cảm chuyển* (contre transfert) để đạt một thăng bằng trong trao đổi tâm và trí, cho phép đôi bên giữ sáng suốt. YÚ thức cái tếu đôi ấy giúp công tác điều trị đạt một vị trí trung dung, có thể phê chuẩn và phê bình trong tính trung lập, gọi là trao đổi -- trao rồi đổi chứng kiến -- giữa hai đối tác không có sự áp đặt tâm lý của người đứng ngoài cuộc có hiểu biết chuyên môn, trên người đứng trong cuộc phải chịu xào những khó khăn của mình.

Dụng cụ nghiên cứu tâm lý là ngôn ngữ và cách phát ngôn.

Trước tiên là xem hai điểm quan trọng như sau.

A.- Từ *Psychologie* của văn hóa phương tây có nghĩa là môn học : -- *logie* ; *Psyche* -- là tất cả hiện tượng của trí cho phép định chế cá thể con người như mình xem mình trong một tấm gương đứng (*psyché*). Chúng ta dùng chữ *Tâm lý học*. Trong gốc Hán nôm quốc ngữ, " Lý " có hai nghĩa không xa với nhau : một là lý luận và hai là lý do. " Tâm lý học " là bộ môn nghiên cứu luật tâm lý và nguyên tắc tình cảm làm con người sống có văn hóa. Ta tượng trưng cái đó bằng trái tim. Lúc xưa, người phương tây không rành chuyện cho rằng người phương đông không phân biệt tâm và trí, trái tim và bộ não nên họ nghĩ rằng người Việt nam dùng chữ tâm lý như thói tả cảnh thô sơ, một cách nói để nói. Nếu ta suy nghĩ theo họ thì phương đông chưa từng biết " hoạt động nội tâm " là gì. Ta tiếp tục xem ngành này mới sanh ra đời gần đây mà thôi. Họ không biết rằng chữ tâm không phải là trái tim : tâm là một hình ảnh, là cách nói ẩn dụ (*métaphorique*), bóng gió, trừu tượng để mô tả con người là một thể chất vừa có trí, vừa có thân, vừa có cảm xúc. Con người vốn là người tình cảm và đạo đức -- ta gọi là người có lương tâm --, dùng lý trí để phục vụ mình, thấu hiểu mình, giải thích mình, kế hoạch hóa mình.

Chú ý các điểm này là để hiểu bối cảnh văn hóa của từ ngữ ta dùng, không rơi vào một số bấy khi thấy một vấn đề xã hội mới, tưởng chừng như có một ý niệm tâm lý mới. Ví dụ " nghiện games ". Chúng ta tránh lạm dụng " danh từ mới " ví dụ như từ " trầm cảm " mà dân gian đã biết " bệnh buồn-buồn " hoặc " bệnh buồn vô cớ ". Từ " *dépression* " xuất hiện ở phương tây vào những năm 1970. Đây một từ lấy trong bộ môn khí tượng thời tiết nói về sức áp trời sụt xuống độ thấp, giống giống như ta nói " mất khí sống " vậy. (Thật vậy, người có tánh nét trầm lặng là người trầm cảm ngầm mà họ không biết chăng ?).

B.- Trong lịch trình chuyển tiếp tiếng quốc ngữ sang chữ quốc ngữ, người Việt nam hết dùng chữ Hán nôm để ghi lại tiếng nói của mình. Như thế, con người thay đổi tư duy và cách nhìn thực trạng của cụ thể. Mặt khác, các từ ngữ có khi lại mất nguyên gốc của nó.

Tôi xin có vài ví dụ cùng với một số vấn đề dịch thuật :

1. Chữ *Ái (yêu)* là chữ ghép trong Hán nôm : Nữ + Nhi. Mô hình tình ái là tình cảm giữa bà mẹ và con trẻ chứ không phải giữa nam và nữ. Như thế là đủ để suy nghĩ đến quan niệm văn hóa về tình, sự khác biệt giữa tình cảm, tình dục,

tình yêu, tình duyên (mà tiếng pháp chỉ có một chữ aimer, tiếng anh hai chữ to love và to like).

2. Chữ *Gian* (tánh gian tham) là ba chữ nữ ghép với nhau trong hán nôm. Thế thì ngày xưa, 3 phụ nữ chung với nhau thì có vấn đề gì ?

3. Chữ *Không gian* dịch ra là Espace (Space tiếng anh). Gian (như gian nhà) là một khoảng : Không gian là một khoảng trống, trong khi đó từ Espace là một khoản đầy. *Thời gian* là đơn vị thời điểm chụm lại trong khi đó từ Temps (Times) là một khoản thời kéo dài duy nhất. (Xem François Jullien : *du Temps*, Paris, Grasset, 2001, có dịch ra tiếng việt).

4. Trong lúc chuyển sang quốc ngữ, một số ý nghĩa đã biến đổi. Ví dụ : *Đạo* có nghĩa là con đường dẫn lối trong triết học trừu tượng, nay là tôn giáo. Ví dụ : *Kinh* trước có nghĩa là quyển sách *giáo khoa* của người dạy người (Đạo Đức Kinh, hay Tứ Kinh), nay là một lời thánh của Chúa -- hoặc người cao thượng -- ban xuống cho chúng sinh, từ lúc ông cha Jean-Louis Taberd (1794-1840) http://en.wikipedia.org/wiki/Jean-Louis_Taberd - cite_note-1 dịch oratorio = kinh. In : *Dictionarium Anamitico-Latinum*, J. L. Taberd, *Serampore*, 1838.

5. Ý niệm " *hạnh* " thiết ra không có tương đương ở phương âu. Chữ " đức " được dịch tiếng pháp là *vertu* (tiếng anh là *virtue*) ; ngược của vertu là *vice* (a : *vice*) tức là dâm trong khi đó, " thất đức " (không có đức hoặc hết đức) không bao giờ có nghĩa là dâm tính, hay dâm dục.

Bốn cực tâm lý văn hóa người việtnam

Trong quá trình phát triển văn minh nhân loại đến giai đoạn toàn cầu ngày nay, chúng ta nhận xét 3 vùng địa danh chánh : văn hóa địa trung hải (do thái, hy lạp và la tinh, rồi á rập), văn hóa ấn độ và văn hóa phương động quanh cái trục trung hoa. Cùng một lúc, vào 5 thế kỷ trước công nguyên, ở phía tây có 3 vị Socrate, Platon, Aristote ; và phía đông, Gautama Phật, Lão Tử và Khổng Tử.

Theo ý tôi, tâm lý người việtnam nhận bốn nguồn văn hóa chính. Gần đây, có sự ảnh hưởng của đạo Công Giáo có việtnam hoá, tương đối mới nên tôi không đề cập ở đây.

1. **Từ phía nam, văn hóa mélanésia** đề cao giá trị phụ nữ qua chế độ mẫu hệ còn tồn tại trên nhiều nơi. Ví dụ dùng chữ *mẫu* vừa là gương, vừa là mẹ (gốc hán nôm viết khác nhau). Những gì quan trọng là chiếu theo nữ giới : cái công *cái*, con sông *cái* (sông lớn), điện thoại *mẹ* (điện thoại góc của điện thoại bàn)...Nói như vậy, phải xét quan điểm Freud về vai trò nữ giới trong tâm lý,

một cách tương đối so với văn hóa. **Từ phía nam, tâm lý người việtnam cũng có ảnh hưởng của Ấn độ giáo.** Cái gì có cấu tạo (Visnu) là có gốc phân ly (Shiva), ấy là biến chuyển của mọi việc (Brama). Có đoàn kết là có khác biệt, có khác biệt thì cần đoàn kết, sức sống biến đổi vừa đoàn kết, vừa khác biệt và cứ mãi mãi như thế mà mọi việc mới sẽ đến như nước không động.

2. Từ Ấn độ giáo ra Phật giáo mà tôi trình bài ở đây triết học con người. Tôi xin nói đến 3 đề.

A) *Nhân quả (Karma)* là thành quả của nhân loại. Chúng ta có thể xem đó là vốn văn hóa mà cả nhân loại đã tích lũy cho từng người chúng ta hưởng khi ra đời ; cái vốn này -- *ngiệp* -- tương đương với vốn ADN trong tế bào. Vốn tốt là sự nghiệp phát sinh tốt, vốn không tốt thì kết quả chưa đến chờ người lọc nó (ngiệp chướng). Nói cách khác, đây là tâm lý nhận thức, trách nhiệm và bồi dưỡng. Con người có " số phận " nhận vốn loài/làm người, rồi " bổn phận " bảo tồn và quản lý nó để phát huy, khai triển thành công một cuộc sống hiện thực. Mục đích làm tốt và chuyên cái tốt đó cho thế hệ mai sau. Tâm lý phương tây gọi kẻ thừa văn hóa và tâm lý giáo dục đó là *héritage trans générationnel* (kế thừa xuyên thế hệ). Sự ẩn núp của Nhân quả gần ý niệm Vô thức (inconscient) nhưng điểm dứt khoát không giống là tính chất hoàn toàn đạo đức của Nhân quả, khác với cái " Vô thức " của Freud.

B) *Đời là đau đớn.* Con người có thể giải thoát khỏi cái khổ đó khi hết lệ thuộc quá đáng bởi những nhu cầu do sự vật và sự kiện tự mình tạo ra. Cái đau đớn đó do con người chưa nhận thức và giác ngộ là tất cả cái gì, tất cả những vật gì đều có thực nhưng tất cả điều *Vô Thường*, tức là có thay đổi thường xuyên, luân chuyển đổi dạng rồi hiện ra cái khác. Đau đớn là do bám vào sự cố không cho nó biến chất. Cái Tôi hôm nay không phải là cái Tôi hôm qua mà chưa phải cái Tôi ngày mai. Tôi là tôi nhưng không phải là tôi : cái Tôi cơ bản là gốc Phật có trong tôi và cho tôi biến thành người tốt. Nếu ta sắm chiếc xe thì ta phục vụ nó bằng cách đỡ xăng không ngừng. Ta có cảm giác tự do di chuyển nhưng thật sự cái tự do đó bị ràng buộc nơi có tiền đỡ xăng. Do đó, thuyết sung sướng của Freud chủ trương nguồn gốc con người là ham muốn và sự đau đớn là hậu quả của tội lỗi, của thiếu thốn.

C) *Luật luân hồi (Samsara)* là qui luật chứng minh rằng hiệu quả của mọi hành động, mọi hành vi sẽ là nguyên cơ cho hành động, cho hành vi kế tiếp của mình và cứ như thế mỗi hồi luân chuyển. Đây là nói tương quan biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả -- tức là *nhân duyên* -- mà cũng cứ như thế, thế giới tiến tới, hoặc tốt, hoặc xấu. Kết quả của sự ham muốn là động cơ thêm ham muốn, kết quả của thiệt thòi là chịu thêm thiệt thòi. Tâm lý phương tây gọi đó là *compulsion à la répétition*. Thuyết nhà Phật giải đáp vấn đề này bằng quan

niệm bình đẳng nói rằng mỗi người đều có gốc Phật bằng như nhau, không ai kém hơn ai trên đường Niết Bàn. Người sẽ thành vị Bồ Tát khi giác ngộ rằng hiệu quả và nguyên có phải mang tính đạo đức và vượt ra khỏi vòng mù ám của người vô thức, tức là người không biết luật vô thường của thiên hạ sự mà lặp tới lặp lui cái trạng thái của mình như người đi trên đường mòn. Luật luân hồi diễn tả tâm lý người bình thường, có muốn thì muốn thêm để đạt một thiêng liêng " đầy " như mình đã tính, chống cái thất vọng và cái khổ sẽ đến khi thiếu thốn.

Theo phương tây, nguồn gốc tâm lý con người là cái Tôi (Ego) thật " đầy " ; càng chắc chắn, càng nhiều tình thương, càng giàu sang là càng tốt. Theo Nhà Phật, cái Tôi là " Vô Ngã " (ngã = ngộ = tôi). Đây không có nghĩa là cái Tôi không có, vì nếu không có thì làm sao chúng mình gặp nhau, có lời nói chuyện với nhau. Cái Tôi Vô Ngã có nghĩa là có như không, không như có, thật mềm dẻo ; có nghĩa là khi Tôi là tôi, tôi đã biến đổi thành một cái Tôi mới so với cái tôi của lúc trước và cũng mới so với cái gì bạn đã nghĩ về tôi. Mỗi chốc lát biến đổi là mỗi lần tôi thành một người mới nhưng tôi không biết vì tôi vẫn giữ tánh cũ, lời cũ, ý niệm cũ : cái " cũ " cho tôi được yên trí, yên tâm. Đây là thuyết " Có như không, không như có " gọi là thuyết " *Không không* ". Nói cách khác, Vô Ngã là " muôn cuộc sống trong một đời ". Mỗi lần thay đổi, là mỗi lần biến dạng ; và cứ như thế là mỗi lần ta đạt tới một tột đỉnh cao mà ta gọi là *Niết Bàn* của chốc lát. Mỗi lần yên tĩnh trầm lặng đổi dạng, là mỗi lần bước qua một ải Niết Bàn mới, và cứ như thế đời là một chuỗi. Con người trong lúc đó hết mâu thuẫn xung đột, hết do dự với chính mình, sống trọn vẹn thời khắc của cuộc sống.

Về nhân loại học (anthropologie), ý niệm triết học " muôn cuộc sống trong một đời ", đã chuyển sang khái niệm tôn giáo " đầu thai muôn kiếp " (đầu thai xuất thể) chuẩn bị vào Niết Bàn sau khi cải thiện Nhân quả.

Ông Parménide (515- 440 trước c.n.), là nhà triết học Hy Lạp trước Socrate. Ông khởi tiên là người ghi 5 bộ giác để con người giao dịch với thế giới bên ngoài : cặp mắt, cái mũi, cái lưỡi, cặp tai, bộ da (in : *De la Nature*). Từ quan điểm đó, cảm giác, cảm nghĩ và cảm tình con người cần bộc lộ qua lý trí và lời lẽ. Cái gì cũng phải nói ra, nói cho được, nói cho hết (Thậm chí bất kể người trước mặt). Theo phương đông, người có 6 giác : 5 giác ghi trên cộng thêm *tri giác*. Vị trí trí giác là ngang hàng với những giác kia nên con người có thể cảm xúc trực tiếp mà không nhất thiết cái gì cũng nói, hoặc khi nói thì không bao giờ nói hết lời, được hiểu 100%. Do đó, có nhận xét rằng người Á và người Âu không giống nhau về cách nói cảm xúc của mình, về cách sống với thiên nhiên và suy luận phân tích nhân duyên, cách nói.

3. Có một chuyện rất xưa cùng lúc với ý thức khác biệt của nhân loại, là quan niệm vũ trụ là Một nhưng có hai phần. Trong văn hóa phương đông, **Đạo Đức Kinh của Lão Tử** là quyển nhập ý niệm Âm Dương thành một hệ thống luận nói đến quan hệ biện chứng của mọi việc, tức là cách định nghĩa mặt này là định nghĩa mặt kia : có trên là có dưới, có nam là có nữ, có ban sáng là có ban tối... Tách rời không phải riêng biệt.

Một sanh ra Hai (âm và dương), Hai sanh ra Bốn (trong âm, có âm và có dương ; và trong dương, có dương và có âm) và cứ như vậy mà vũ trụ nở sinh. Trong nam có phần nữ, và ở nơi người phụ nữ có tánh nam giới. Hai, Bốn, Mười Sáu hoặc Một trăm năm mươi sáu vẫn là Một đơn vị Số tròn nguyên thủy. Nói cách khác, vũ trụ là *Qui luật Số* : khởi đầu là *Big Bang* của vật lý học, không có Người cầu tạo (vì ta chấp nhận không biết nhưng nếu nói theo Công giáo là Chúa). Do đó, con người sống theo nhịp của ba qui luật Số (nghĩa rộng hơn ý niệm phương tây numéro/number) : *Số Trời* diễn tả cái thường xuyên của thời tiết, sáng tối, gió mùa ; *Số Người* ghi *mạng* theo ngày giờ sanh con người (số Tử Vi) chủ động như một thành viên của vũ trụ thiên nhiên ; *Số Thứ Tự* ghi trật tự gia-đình, xã-hội, con số mà ta dùng để tổ chức, làm (số kế) toán, làm sổ sách kế hoạch. Như thế, qui luật số gắn liền *mạng người* với *sự nghiệp* của *môi trường*, khoa học gọi đó là *Ecologie/Ecosysteme*. Vì xã hội là một vũ trụ hẹp, loài người ở bất kỳ văn hóa nào đều đánh giá mình bằng hai khuynh hướng. Một là khách quan hóa việc này hay việc kia bằng con số bao nhiêu phần trăm (% cảm giác hạnh phúc). Khuynh hướng này đưa đến *suy nghĩ khoa học*. Hai là đánh giá chủ quan của mình bằng cảm xúc hên xui may rủi (*số tốt, số xấu, tới số* ♦). Khuynh hướng này đưa đến *suy nghĩ chính trị và tôn giáo*. Chính vì trong xã hội loài người, cảm xúc lờ mờ có " qui luật số " có nên Nhà Nước ở các quốc gia đều tổ chức " *xổ số* " (loterie/loto) trên hy vọng của người dân được " *trúng số* ". Đây là một hình thức thu thuế (" *Số mạng* " là một quan niệm về bản thân mà ta cần hỏi người đến khám bệnh, nghĩ sao về chính họ).

Về mâu thuẫn, nhà triết học đức E. Kant (1724-1804) nói có hai loại : mâu thuẫn đối kháng và không đối kháng, tùy định nghĩa chuẩn do người thông đồng với nhau. E. Kant nghĩ rằng mâu thuẫn không bao giờ tuyệt đối với nhau (cũng như mọi sự). Về phương đông, mâu thuẫn không có quan hệ chạm trán, không mặt thắng mặt thua : mọi nhân tố đều bên cạnh hỗ trợ giúp nhau để mỗi lần mở rộng sự thật thêm rộng lớn hơn. Muốn nước chảy phải có độ trên và độ dưới ; có buổi sáng là có buổi tối, rồi sáng tối không mâu thuẫn đối kháng với nhau ví sáng hay tối đều có ánh mặt trời và mặt trăng. Nam với nữ không đối kháng vì cả hai đều là con người. Việc này có là nhờ có việc kia xác định cho, chứ không phải định nghĩa bằng sự thiếu thốn, thềm thùa, ghen ghét, xung đột.

Ngược lại, theo thuyết Freud, nam và nữ là hai diện đối kháng và cạnh tranh. Quan niệm này là kế thừa quan niệm đạo Công Giáo về tội và lỗi.

Như vậy, ý niệm âm dương thường xuyên hiện lên trong lời lẽ và đời sống hàng ngày.

* Có sinh mới có sống, mà sống không chế tạo là không đầu tư, là không toàn diện, không động cơ ; do đó ta dùng chữ đôi âm dương : sinh sống.

* Cả nước Việt Nam vào ngày Tết là đếm theo âm lịch ; bắt đầu là ngày 25 tết đến mừng 10 tết, cũng ta " quên " tháng dương lịch đi.

* " Công cha như núi Thái Sơn, Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra ", đây là tinh thần, lối suy nghĩ âm dương cân đối với nhau qua những cặp từ : cha và mẹ, công và nghĩa, núi và nước hay đất và nước. Nói tóm lại, tâm lý phân tâm học (*psychanalyse*) lấy xung đột làm khâu của tất cả quan điểm cuộc sống. Trong khi đó, tâm lý truyền thống á đông hiểu rằng xung đột và tranh chấp không nhất định là sự kiện của bình hòa ; nếu chỉ biết tìm ai có lý hoặc ai không có lý thì chỉ sống trong xung đột, nghi vấn ; người ấy đã lầm lẫn nguyên tắc với nội dung.

4. Cột trụ thứ tư của tâm lý Á-đông là Nho Giáo. Đương nhiên là về mặt lịch sử xã hội, chúng ta không quên Nho giáo đã là cơ sở tư tưởng của chế độ phong kiến, nhưng chúng ta cũng không thể dùng một tư tưởng hệ để bài trừ nghiên cứu Nho Giáo.

Lời của Khổng Tử được ghi lại trong một quyển sách duy nhất viết 300 năm sau khi ông mất. Những nhà nho giáo về sau, như Mạnh Tử, cho thêm ví dụ nhưng không bao giờ có ai định nghĩa thế nào là nhân, là nghĩa, là lễ, là trí và là trung. Vì đó là triết học nên chỉ nói đến ý nghĩa chứ không thể nào có qui định nội dung một cách vĩnh viễn cái gì là cái gì. Từ đó, các nước á châu đều có được một quan niệm văn hóa đạo đức công chúng cho xã hội dân sự, gần giống nhau cho cả miền phương động.

Cho hôm nay, tôi chỉ nhắc giá trị tâm lý của thuyết *Ngũ Đức* : *Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Trung*. (Một số sách viết nam ghi : nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Qua sưu tầm của tôi, từ hán nôm gốc là Trung. Trong triều Gia-Long, vấn đề người trung và người tin cậy là một chuyện lớn mà có thể từ đó, chữ Tín đã thay thế chữ Trung).

Trong Đạo làm Người (Nhân), mỗi người phải tìm ra đường chân lý của mình. Tâm lý học nói đây là một vấn đề rất to lớn. Con người phải ý thức trách nhiệm

của mình, thế nào là tự do suy luận để sống phù hợp với cộng đồng của mình. Nói cách khác, Nho Giáo khẳng định rằng không bao giờ có một tự do tuyệt đối (như muốn là được). Ngược lại, con người tạo *điều kiện tâm và trí cho tự do* chỉ nhận giới hạn của phương pháp lý luận học, tức là chỉ có giới hạn của *lô-gích* (ý niệm mới, chữ mới). Chính nhờ văn hóa này mà cả nền văn minh phương đông tồn tại, biến đổi và hấp thụ văn minh phương tây tràn vào từ thế kỷ 19 đến nay.

Về mặt tâm lý, trước tiên là *Trung* : trung kiên, liêm sỉ với chính mình và thích hợp với bối cảnh sống ; sau đó là *Trí* : lấy cái sáng suốt mà phân tích, phản hồi, suy nghĩ, bình luận ; tiếp theo là *Lễ*, tức là luận ra luật nội tâm, nguyên tắc xã hội, điều lệ và thói quen ; sau nữa là *Nghĩa* tức là tìm ra ý nghĩa và nghĩa vụ trong các việc của cuộc sống rồi cuối cùng thành *Nhân*, tức là thành Người Hiền, hết là tiểu nhân xem mọi việc một cách hẹp hòi, ích kỷ, cục bộ.

Cách dẫn Đường là *Hiếu thảo* và *Thương con*, phù hợp với truyền thống *Thờ Cúng Ông Bà* và *Lễ đám giỗ* và một số tục lệ khác ; chớ nên gọi tất cả là mê tín dị đoan. Cơ sở là tình thương hai chiều trên dưới trong gia đình ; tránh lạm dụng phép tình cảm dùng sức ép tinh thần của người lớn, có quyền hạn để hành hạ người nhỏ, người thấp, người trẻ ; nam ép nữ theo kiểu phong kiến gia đình mà gọi đó là truyền thống. Thật vậy, quan niệm á đông gia đình là một xã hội nhỏ nối liền và tập sự cho con người vào xã hội thực vô danh, trong khi đó phương tây quan niệm có một đứt đoạn giữa cá thể và tập thể, giữa gia đình và xã hội.

Như vậy, tâm lý phục vụ nhu cầu vào *khuôn* và *khuông* của con người có quan niệm lý tưởng [khuôn] và cụ thể [khuông] về đạo đức sống. Do đó, khi điều trị tâm lý, chúng ta sẽ đồng hành với người đau khổ để giải bài xung đột tâm lý giữa nhu cầu tự do nội bản với điều kiện tự do bên ngoài ; xung đột giữa lý tưởng và hiện thực, giữa trung kiên và sáng tạo ; xung đột giữa cái sự thật và cái thật sự ; xung đột thời gian giữa thế hệ, giữa cái sợ và những gì chưa biết.

Kết luận

Tâm lý học là bộ môn khoa học nhân văn gắn liền con người với môi trường sống, xã hội và lịch sử văn minh. Do đó, nghiên cứu tâm lý là nghiên cứu quan hệ cấu tạo một thân với một thể thành một đơn vị tâm trí gọi là con người, có tiềm năng nghiên ngẫm nội tâm và xây dựng kế hoạch tương lai riêng cho cá thể mình, và phù hợp với tập thể và lý tưởng.

Một trong phát minh tâm lý điều trị là phân tâm học. Chúng ta cần xem đây là một thuyết nằm trong lòng văn hóa tây phương cá nhân chủ nghĩa ; do đó thuyết này ít đề cập đến yếu tố tập thể, con người đứng xa yếu tố xã hội. Biết

như vậy, sự đối chiếu Âu Á phải là một đối chiếu văn hóa để xem thể nào là tâm lý nội tâm con người Việt Nam. Dương nhiên, nếu ta xem con người như một bộ máy thì môn tâm lý sẽ nghiên cứu một máy tâm lý, ví dụ như tâm lý thương mại người tiêu dùng. Lúc đó, ta nghiên cứu hành vi, một khía cạnh nhỏ của nghiên cứu tâm lý con người tổng quát. Cũng như chỉ chữa bệnh tâm thần bằng hóa chất mà thôi. Tia ngọn mà không nuôi tưới gốc thì rất nguy. Ngược lại, nhờ phương pháp học mới này, nhà tâm lý học là người tư vấn chuyên nghiệp, giúp con người tự tìm hiểu chính mình và tìm ra cách thích ứng tối đa với môi trường sống, thoát khỏi các loại " tâm lý " dạy đời, giáo huấn.

Khi ta hiểu kho tàng văn hóa của ta là một văn minh có giá trị thì ta không sợ mất bản sắc và đặc thù truyền thống của ta, trở thành người tiếp thu dễ dàng văn hóa từ xa đến. Như vậy có thể nghĩ gọn rằng nền tâm lý người Việt Nam rất đa dạng tổng hợp, trong đó vốn Phật Giáo đã nói đến tâm lý nội tâm, Lão Giáo dùng để nói quan niệm vũ trụ, và Nho Giáo bàn về đạo đức con người xã hội.

Có khi tôi tự hỏi một câu : tại sao chúng mình có rất nhiều từ phong phú như " Hồn ", " Vía ", " Ma ", " Bóng ", " Linh ", " Tâm ", " Trí "... mà phương Tây chỉ một chữ *Psyche* duy nhất ? Có lẽ người Tây phương không quan niệm có trí giác giống như người mình.

Tôi hy vọng rằng hội thảo hôm nay của chúng ta đã đưa đến quý vị, sự hâm mộ nghiên cứu và phát huy một ngành tâm lý học Việt Nam hiện đại, khoa học, hữu dụng và nhân tâm.

(Bài này đi đôi với bài tiếng Pháp, không phải bài dịch)

Tác giả đã viết những sách sau đây (hoặc cộng tác viết) :

- *Colloque INSERM-Autisme, Paris, Volume 146, 1987 (ouvrage collectif).*
- *Bouddhisme et Psychiatrie. Paris, Edt L'Harmattan, 1992.*
- *Enfance : état de lieux. Le Vietnam au coeur de la Francophonie. Paris, Edt L'Harmattan, 1998. (Ouvrage collectif).*
- *Dictionnaire des thérapies médicopsychologiques et psychiatriques. Ouvrage collectif sous la direction de H.N. Barte. Paris, Edt Ellipse, 2001.*
- *Psychologie politique de la citoyenneté, du patriotisme, de la mondialisation. Paris, Edt L'Harmattan, 2002.*
- *Psychothérapie bouddhique : méditation, éthique, liberté. Paris, Edt L'Harmattan, 2002.*

- *De la psychologie asiatique. L'Humain, le Politique, l'Ethique. Paris, Edt L'Harmattan, 2004.*
- *Sổ tay tâm lý học (Manuel de psychologie médicale). Ho Chi Minh ville, Edition Nha Xuat Ban Y Hoc, 2005. Ouvrage collectif en vietnamien sous la direction du Prof Isidor Pelc et du Dr Lam Xuan Dien. Dans le cadre de la Coopération Interuniversitaire Francophone du Développement de la Belgique avec le Centre Universitaire de Formation des personnels de santé. 730 pages.*
- *Manuel de psychiatrie transculturelle, 2^e édition. Ouvrage collectif sous la direction du Prof. M.R. Moro, Grenoble, La Pensée Sauvage, 2006.*
- *Psychologie transculturelle et psychopathologie. Occident et Asie orientale. Paris, You Feng, 2006.*
- *Conscience éthique et esprit démocrate. Essai sur l'harmonie et le politique. Paris, L'Harmattan, 2009.*

Source: Chim Việt Cảnh Nam